

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG: CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN SONG TÙNG

Tóm tắt: Ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, có quan hệ, tác động qua lại, quyết định sự phát triển bền vững; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Vì thế, văn kiện Đại hội XIII dành nhiều quan tâm về vấn đề này và có những điểm mới so với Đại hội XII, đặc biệt là việc chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trong tình hình mới. Ngoài ra, Việt Nam tham gia tích cực, trách nhiệm, đưa ra những cam kết ủng hộ các sáng kiến toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu tại COP26, đồng thời hành động thiết thực, hiệu quả trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, một trong những thách thức an ninh phi truyền thống nghiêm trọng nhất hiện nay với toàn thế giới.

Từ khóa: Đại hội XIII, biến đổi khí hậu, môi trường

THE 13TH NATIONAL PARTY CONGRESS ADOPTS RESOLUTION: PROACTIVELY ADAPTING TO CLIMATE CHANGE IN THE NEW SITUATION

Abstract: Respond to climate change is an issue of special importance, having great influence, relationship, mutual impact and jointly deciding on sustainable development; is the basis and premise for making guidelines and policies for socio-economic development, ensuring national defense, security and social security. Therefore, the document of the XIII Congress pay much attention to this issue and have new points compared to the XII Congress, especially the proactive adaptation to climate change in the new situation. In addition, Vietnam actively and responsibly participated, made commitments to support global initiatives to respond to climate change at COP26, and at the same time acted practically and effectively in the fight against climate change. one of the most serious non-traditional security challenges facing the whole world today.

Keywords: XIII Congress, climate change, environment

1. Tầm nhìn mới về bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự biến đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình và/hoặc dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỷ, hàng trăm năm hoặc dài hơn. Trước đây BĐKH diễn ra trong một khoảng thời gian dài do tác động của các quá trình tự nhiên. Tuy nhiên, thời gian gần đây, BĐKH xảy ra chủ yếu do tác động từ các hoạt động của con người làm cho các tác động của BĐKH diễn ra mạnh mẽ và nghiêm trọng hơn.

Vào năm 1990, các nhà khoa học của Ủy ban Liên Chính phủ về BĐKH (IPCC) cảnh báo rằng, nhiệt độ bề mặt Trái đất trung bình sẽ tăng lên từ 0,3 đến 0,6⁰C trong vòng 100 năm tới. Tuy nhiên, Báo cáo thứ VI của IPCC (AR6) vừa xuất bản năm 2021 cho thấy, khí thải nhà kính từ các hoạt động của con người khiến Trái đất nóng lên 1,1⁰C kể từ giai đoạn 1850 - 1900. Mỗi thập kỷ trong bốn mươi năm vừa qua đều lần lượt nóng hơn các thập kỷ trước kể từ năm 1950. So với năm 1901, mực nước biển trung bình đã tăng 20 cm vào năm 2018. Mức tăng trung bình

mức nước biển khoảng 3,7 mm mỗi năm (từ 2006 - 2018). Theo nhận định của các nhà khoa học, những thay đổi khí hậu đang ngày càng lan rộng, nhanh chóng, mạnh mẽ và khó lường trong hàng nghìn năm tới [4].

Báo cáo AR6 được xây dựng với sự đóng góp của 234 nhà khoa học từ 66 quốc gia; có 5 điểm chính báo cáo AR6 đã chỉ ra là:

Thứ nhất, nhiệt độ trái đất có thể tăng đạt ngưỡng 1,5⁰C so với thời kỳ tiền công nghiệp vào giữa những năm 2030: trong giai đoạn 2021 - 2040, mức tăng của nhiệt độ trung bình toàn cầu rất có khả năng vượt quá 1,5⁰C trong điều kiện lượng phát thải rất cao và cũng có khả năng xảy ra trong điều kiện phát thải trung bình hoặc cao. Ngay cả khi lượng khí thải thấp, như trong SSP1-2.6, sự nóng lên trong thời gian ngắn vẫn có nhiều khả năng đến 1,5⁰C [6].

Thứ hai, hoạt động của con người là nguyên nhân của sự nóng lên toàn cầu: do hoạt động của con người - phần lớn là đốt nhiên liệu hóa thạch, nồng độ khí nhà kính (KNK) trong khí quyển đã tăng cao hơn bất cứ thời kỳ nào trong hai triệu năm qua, và sẽ tiếp tục tăng (mặc dù lượng phát thải toàn cầu hàng năm giảm tạm thời do hậu quả của đại dịch Covid-19). Kết quả, BĐKH đã ảnh hưởng đến mọi khu vực trên Trái đất và những hậu quả như mực nước biển dâng, axit hóa đại dương và tan băng vĩnh cửu là không thể tránh khỏi.

Thứ ba, BĐKH đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến mọi khu vực: BĐKH hiện đang ảnh hưởng đến mọi khu vực có thể ở được, gây bất lợi cho sức khỏe con người, hệ sinh thái và môi trường. Những tác nhân này sẽ có tác động mạnh mẽ đến sức khỏe và đời sống của con người, đặc biệt là khi khí hậu thay đổi đột ngột sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất lương thực toàn cầu. Những thay đổi như vậy cũng sẽ ảnh hưởng đến một nền kinh tế toàn cầu; ví dụ, những thay đổi trong băng tuyết và lũ lụt trên sông ở Bắc Mỹ, châu Âu, châu Á có thể tác

động đáng kể đến cơ sở hạ tầng, du lịch, giao thông và sản xuất năng lượng.

Thứ tư, khí thải mê-tan hiện là mối quan tâm chính của toàn cầu: Mê-tan là một loại KNK mạnh có tác dụng làm nóng cao hơn 80 lần so với CO₂ trong khoảng thời gian 20 năm. Lần đầu tiên, báo cáo của IPCC nhấn mạnh sự cần thiết của việc giảm mạnh mẽ, nhanh chóng và bền vững lượng khí thải mê-tan (bên cạnh việc cắt giảm khí thải CO₂), để làm chậm sự nóng lên và đạt được các mục tiêu khí hậu [6].

Thứ năm, hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5⁰C vào cuối thế kỷ này đòi hỏi sự hành động quyết liệt của nhân loại: nếu thế giới có hành động quyết liệt với việc giảm phát thải ngay lập tức, nhanh chóng và trên quy mô lớn, sự nóng lên có thể bị giới hạn ở mức 1,5⁰C vào cuối thế kỷ 21. Lượng carbon còn lại của thế giới mà chúng ta có thể phát ra và vẫn có 50% cơ hội để hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5⁰C chỉ khoảng 460Gt CO₂ tính đến đầu năm 2021, tương đương với hơn một thập kỷ lượng khí thải hiện tại trước khi chúng ta cạn kiệt ngân sách [6].

Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP26), tại Glasgow (Scotland, Vương quốc Anh, tháng 11/2021) được xem là cơ hội để đoàn kết thế giới trong nỗ lực thực hiện cam kết giới hạn sự nóng lên trên toàn cầu theo Hiệp định Paris. Có 4 vấn đề chính được đặc biệt quan tâm tại COP26, gồm: (1) giải pháp đạt được mục tiêu trung hòa khí thải carbon vào giữa thế kỷ 21; (2) đảm bảo duy trì mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở dưới 1,5⁰C trong giai đoạn công nghiệp hóa; (3) bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên; đảm bảo quỹ tài chính về BĐKH; 4) kế hoạch chi tiết thực hiện Hiệp định Paris 2015 [7].

COP26 kết thúc, tất cả 197 quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH đã thông qua Hiệp ước Khí hậu Glasgow (gồm 8 nội dung chính với 71 điều khoản). Theo đó,

các bên khẳng định lại mục tiêu dài hạn để khống chế nhiệt độ trung bình trên toàn cầu tăng ở ngưỡng dưới 2°C và theo đuổi các nỗ lực hạn chế ở mức tăng 1,5°C (so với mức thời kỳ tiền công nghiệp). Mục tiêu này sẽ giúp giảm đáng kể những rủi ro và tác động mà BĐKH gây ra. Hiệp ước Khí hậu Glasgow cũng thừa nhận, để hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng 1,5°C đòi hỏi lượng khí nhà kính toàn cầu phải giảm nhanh, giảm sâu và giảm liên tục; trong đó lượng phát thải CO₂ phải giảm 45% vào năm 2030 so với mức năm 2010 và về mức 0 vào khoảng giữa thế kỷ này, các khí nhà kính khác cũng cần phải được giảm sâu.

Hiệp ước này kêu gọi đẩy nhanh nỗ lực giảm dần điện than không sử dụng công nghệ thu giữ carbon và trợ cấp nhiên liệu hóa thạch không hiệu quả, đồng thời thừa nhận sự cần thiết phải hỗ trợ để hướng tới một quá trình chuyển đổi công bằng. Đây được đánh giá là bước ngoặt lớn bởi lần đầu tiên nhiên liệu hóa thạch được đề cập tại một thỏa thuận trong một kỳ hội nghị thượng đỉnh khí hậu của Liên hợp quốc.

Hiệp ước thừa nhận tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 và tầm quan trọng của việc bảo đảm sự phục hồi bền vững, mạnh mẽ và bao trùm trên toàn cầu, đồng thời bày tỏ tinh thần đoàn kết đặc biệt với các quốc gia đang phát triển. Hiệp ước nhấn mạnh sự cần thiết phải huy động tài chính dành cho khí hậu từ mọi nguồn để đạt mức cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu của Thỏa thuận Paris. Yêu cầu các nước phát triển khẩn trương hoàn thành mục tiêu hỗ trợ 100 tỷ USD/năm vào năm 2025, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tính minh bạch trong việc thực hiện cam kết của các nước này [6].

COP26 cũng đánh dấu lần đầu tiên vấn đề tổn thất và thiệt hại xuất hiện trong hiệp ước của một kỳ COP. Hiệp ước này thừa nhận BĐKH đã và sẽ tiếp tục gây tổn thất và thiệt hại. Khẳng định tính cấp thiết của việc mở rộng quy mô hành động và hỗ trợ, nếu phù hợp; bao gồm tài trợ, chuyển giao

công nghệ và nâng cao năng lực, để thực hiện các phương pháp tiếp cận nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu, giải quyết tổn thất và thiệt hại liên quan đến các tác động bất lợi của BĐKH.

2. Thực tiễn biến đổi khí hậu tại Việt Nam

Việt Nam là một trong 10 quốc gia được đánh giá bị tổn thương lớn nhất do tác động của BĐKH [4]. Trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm cả nước tăng khoảng 0,62°C; mực nước ven biển trong thời kỳ 1993 - 2014 đã tăng khoảng 3,34 mm/năm; thiên tai gia tăng cả về cường độ và tần suất. BĐKH là nguy cơ hiện hữu đối với mục tiêu phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo của đất nước. Tổn thất và thiệt hại sẽ tiếp tục gia tăng, trong những năm gần đây, do tác động của BĐKH, tính chất cực đoan và tính dị thường của các hình thái thiên tai ngày càng phổ biến. Việt Nam thường xuyên phải chống chịu với nhiều loại thiên tai, nhất là bão, lũ, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, với những diễn biến hết sức bất thường. Suốt hơn 30 năm qua, trung bình mỗi năm, thiên tai làm thiệt hại về kinh tế khoảng 1-1,5% GDP [3].

BĐKH ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Mức độ ảnh hưởng, tác động của BĐKH phụ thuộc vào các kịch bản BĐKH. Những ngành bị tổn thương lớn nhất là nông nghiệp, thủy sản, du lịch...; đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề nhất là người dân ở khu vực miền núi và ven biển, nhất là người nghèo, phụ nữ và trẻ em. BĐKH làm thu hẹp diện tích đất canh tác, giảm sản lượng và năng suất cây trồng; dự báo gây tổn thất khoảng 0,4% GDP vào năm 2030. Hơn nữa, nhiệt độ môi trường tăng làm năng suất lúa giảm, dự báo giảm khoảng 4,2%/năm và mực nước biển dâng 13cm vào năm 2030 sẽ làm năng suất lúa giảm 9%. BĐKH làm giảm trữ lượng của các loài thủy sản. Dự báo đến năm 2030, thiệt hại của ngành thủy sản có thể lên đến gần 1,6% GDP [3].

BĐKH làm sụt giảm nguồn cung nguyên liệu do nước biển dâng gây ngập lụt các khu công nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. BĐKH thúc đẩy nhanh hơn chuyển đổi việc làm từ nông nghiệp sang các ngành khác, khiến một bộ phận lớn lao động di cư từ nông thôn ra các đô thị, làm gia tăng áp lực cho khu vực thành thị. BĐKH cũng làm cho các nguồn tài nguyên ngày càng suy giảm. Suy thoái, cạn kiệt nguồn nước mặt, nước ngầm, thiếu nước, khan hiếm nước cho sinh hoạt trở nên phổ biến hơn. Nguồn cung năng lượng hóa thạch cũng ngày càng cạn kiệt.

Trên cơ sở các chỉ số đánh giá về tình hình BĐKH ở Việt Nam (chỉ số về lượng phát thải khí CO₂, mức nhiệt độ ở các khu vực, lượng mưa, mực nước biển, xoáy thuận nhiệt đới, mức độ hạn hán và lũ lụt...) dự báo trong những năm tới (từ nay đến năm 2030), BĐKH sẽ diễn ra ngày càng nhanh, phức tạp, khó lường và có những tác động mạnh hơn so với trước đây. Xu hướng nhiệt độ trung bình ngày càng tăng, nước biển ngày càng dâng cao và hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện nhiều hơn và với cường độ mạnh hơn [4].

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề BĐKH và đã có nhiều giải pháp để ứng phó với BĐKH. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, nhận thức và thực tiễn ứng phó với BĐKH ở Việt Nam vẫn còn một số bất cập, hạn chế:

Về nhận thức: mặc dù vấn đề ứng phó với BĐKH sớm được quan tâm định hướng, chỉ đạo, triển khai, nhưng nhận thức về vấn đề này chưa thực sự đầy đủ và toàn diện; chưa thấy hết tầm quan trọng, ý nghĩa sống còn của công tác này; do đó còn thiếu chủ động trong triển khai thực hiện. Nhận thức về BĐKH của cộng đồng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào việc giảm

phát thải, chưa đặt trọng tâm vào việc thích ứng với BĐKH; mới chỉ quan tâm đến các tác động tiêu cực mà chưa quan tâm đến nguyên nhân sâu xa gây ra BĐKH để có những hành động đúng đắn thông qua việc chuyển đổi lối sống, mô hình sản xuất và tiêu thụ theo định hướng carbon thấp, tăng trưởng xanh, tăng trưởng tuần hoàn; chưa chú trọng đến các cơ hội mà BĐKH có thể mang lại.

Về thực tiễn:

- Việt Nam là một trong những nước có tốc độ gia tăng phát thải cao trên thế giới và cường độ carbon trên GDP của Việt Nam hiện đứng thứ hai trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương (sau Trung Quốc). Việt Nam sẽ trở thành một nguồn phát thải khí nhà kính lớn nếu không đổi mới công nghệ và thay đổi các chính sách sử dụng năng lượng [3].

- Các giải pháp ứng phó với BĐKH tập trung chủ yếu vào các dự án giảm phát thải, ít chú trọng các giải pháp khác; cơ sở vật chất và trang thiết bị quan trắc còn yếu; công tác dự báo, cảnh báo đối với một số loại hình thiên tai chưa đáp ứng được yêu cầu; kết cấu hạ tầng về phòng, chống thiên tai vẫn còn nhiều bất cập; năng lực thích ứng với BĐKH chưa có bước cải thiện rõ rệt.

- Việc di dời, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thường xuyên bị thiên tai chưa hoàn thành; các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng chưa đạt yêu cầu.

- Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính còn hạn chế; khả năng hấp thụ khí nhà kính bởi các hệ sinh thái rừng tự nhiên tiếp tục suy giảm; vẫn còn nhiều dư địa trong hoạt động tiết kiệm năng lượng.

3. Các nội dung thích ứng với BĐKH theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung,

phát triển năm 2011), Đảng ta đã đánh giá vấn đề BĐKH là thách thức mang tính toàn cầu, có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của đất nước, xác định rõ định hướng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy mạnh công tác chủ động ứng phó với BĐKH. Cương lĩnh nhận định, nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo...

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 khẳng định, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Chiến lược đã chỉ rõ, để đảm bảo phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững thì trong “phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với BĐKH”, xác định mục tiêu “chủ động ứng phó có hiệu quả với BĐKH, nhất là nước biển dâng”, đưa ra định hướng phát triển “đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, BĐKH và đánh giá tác động để chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và Chương trình quốc gia về ứng phó với BĐKH, nhất là nước biển dâng. Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế” [1].

Đứng trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để đồng bộ với chủ trương chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, phát triển nhanh, bền vững đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; cùng với xu thế mới của thời đại, mang tính toàn cầu cũng như những thách thức đặt ra, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với

BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nghị quyết đã xác định rõ quan điểm: “*Chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị; là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội*” [5].

Chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phải trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng. Vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm lợi ích lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản. Vừa bảo đảm toàn diện, vừa phải có trọng tâm, trọng điểm; có bước đi phù hợp trong từng giai đoạn; dựa vào nội lực là chính, đồng thời phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ và kinh nghiệm quốc tế. BĐKH là vấn đề toàn cầu, là thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại trong thế kỷ 21. Ứng phó với BĐKH phải được đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Phải tiến hành đồng thời thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với BĐKH, chủ động phòng, tránh thiên tai là trọng tâm [2].

Đại hội XII (năm 2016) đã đề ra nhiệm vụ chủ động thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với BĐKH, phòng, chống thiên tai với những giải pháp cụ thể, như: nâng cao năng lực dự báo; đầu tư thích đáng cho các chương trình, công trình trọng điểm quốc gia ứng phó với

BĐKH; phòng, chống, hạn chế tác động của lũ lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, bãi biển, triều cường, xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long...

Trước tình hình BĐKH toàn cầu diễn ra nhanh, phức tạp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ngày càng nhiều, cường độ và tác động tàn phá ngày càng lớn; Đại hội XIII đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực này, đã đề ra nhiều chủ trương, nhiệm vụ cụ thể hơn, đầy đủ, toàn diện hơn để ứng phó có hiệu quả với BĐKH. Báo cáo chính trị đề ra nhiệm vụ: “Nâng cao năng lực nghiên cứu, giám sát BĐKH, dự báo khí tượng, thủy văn và cảnh báo thiên tai; năng lực chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ, năng lực chống chịu và thích ứng với BĐKH. Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát BĐKH, dự báo, cảnh báo thiên tai. Huy động, ưu tiên các nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để thích ứng với BĐKH, phòng, tránh, hạn chế, giảm thiểu tác động do BĐKH gây ra” [1].

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 yêu cầu: chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với BĐKH; phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải KNK, carbon thấp. Tăng cường chia sẻ thông tin, minh bạch, xây dựng cơ chế liên kết vùng trong ứng phó với BĐKH. Nghiên cứu, xây dựng phương pháp, quy trình dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, BĐKH, nước biển dâng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH. Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, lún sụt, sạt lở bờ sông, bờ biển ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung; lũ ống, lũ quét, sạt lở ở các khu vực trung du, miền núi...

Văn kiện Đại hội XIII nhận định, BĐKH sẽ gay gắt, phức tạp, gây ra nhiều hệ lụy đối với sự phát triển của đất nước. Từ đó, Văn kiện xác định “*Chủ động thích ứng với BĐKH, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh*” là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng.

Để thích ứng với BĐKH, Báo cáo chính trị đề ra các nhiệm vụ về nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, giám sát BĐKH; nâng cao năng lực chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ tác động, thích ứng với BĐKH; cơ chế huy động, ưu tiên các nguồn lực thích ứng với BĐKH...

4. Sự chủ động và cam kết của Việt Nam trong ứng phó với BĐKH toàn cầu

Với tư cách là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã tham gia ký Công ước khí hậu ngày 11/6/1992 và Nghị định thư Kyoto ngày 3/12/1998. Việt Nam cũng đã ký Thỏa thuận Paris về BĐKH vào ngày 22/4/2016.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020. Kế hoạch đặt ra mục tiêu nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của BĐKH thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch. Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tập trung vào 7 nhóm lĩnh vực: tăng cường công tác quản lý nhà nước và nguồn lực; nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; môi trường và đa dạng sinh học; tài nguyên nước; cơ sở hạ tầng; các lĩnh vực khác, gồm sức khỏe cộng đồng, lao động - xã hội, văn hóa - thể thao - du lịch.

Ngoài ra, Việt Nam là nước đang phát triển, mới bắt đầu công nghiệp hóa trong 3 thập kỷ qua, nhưng đã luôn nỗ lực đóng góp vào hành động chung toàn cầu. Việt Nam đã sớm gửi Liên hợp quốc Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) và đưa vào luật để tổ chức thực hiện nghiêm túc. Đến 2030, bằng nguồn lực trong nước, Việt Nam cam kết giảm 9% tổng lượng phát thải khí nhà kính và tăng lên tới 27% khi có hỗ trợ quốc tế song phương, đa phương [4]. Có thể thấy, trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của một nước đang chịu nhiều tác động của BĐKH, Đóng góp do Quốc gia tự quyết định cập nhật của Việt Nam đã thể hiện nỗ lực cao nhất của quốc gia trong góp phần giảm nhẹ BĐKH toàn cầu. Cho đến nay, Việt Nam là một trong số ít các nước tăng mức đóng góp về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định cập nhật.

Từ đầu tháng 4/2021, Việt Nam triển khai chương trình trồng một tỉ cây xanh đến 2025, sẽ hấp thụ 2 - 3% lượng phát thải vào 2030... Đầu tháng 10/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozone, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BĐKH.

Tháng 11/2021, tại Hội nghị COP26, với tư cách là thành viên tích cực và có trách nhiệm của Liên hợp quốc, các cam kết và quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong việc thực hiện các giải pháp giảm thiểu tốc độ nóng lên của Trái đất:

Thứ nhất, ứng phó với BĐKH, phục hồi tự nhiên phải trở thành ưu tiên cao nhất đã được đưa ra. Mọi quyết sách phát triển, là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của mọi cấp, mọi ngành, mọi doanh nghiệp và người dân. Mọi hành động phải dựa vào tự nhiên và lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể và động lực phát triển bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Thứ hai, Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ hơn nữa bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050” [7].

Thứ ba, tài chính khí hậu, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực đóng vai trò rất quan trọng để thực hiện thành công Thỏa thuận Paris. Để chiến thắng trong cuộc chiến toàn cầu với BĐKH, đoàn kết toàn cầu là cách thức duy nhất.

Không chỉ đưa ra các cam kết, Việt Nam đã và đang có các hành động thiết thực và hiệu quả, góp phần vào cuộc chiến chống BĐKH toàn cầu. Việt Nam đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với BĐKH như: Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH; Đề án quản lý phát thải KNK...

Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất với Đóng góp do quốc gia tự quyết định. Đóng góp do quốc gia tự quyết định thể hiện các cam kết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với BĐKH của quốc gia ở cấp chiến lược. Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH cụ thể hóa hợp phần thích ứng trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định, triển khai các hành động ưu tiên để thích ứng với BĐKH. Thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH sẽ giúp sử dụng hiệu quả nguồn lực, tăng cường khả năng quản lý, điều phối về tài chính và kỹ thuật, thúc đẩy quá trình tham gia của cộng đồng, khối doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện các mục tiêu thích ứng trong Đóng góp do quốc gia tự

quyết định và giúp Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng luật hóa các vấn đề ứng phó với BĐKH như: Luật Phòng chống thiên tai, Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Bảo vệ môi trường. Việt Nam cũng phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với BĐKH dựa trên hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng và dựa vào tự nhiên.

5. Kết luận và kiến nghị

Các quan điểm, chủ trương, giải pháp về ứng phó với BĐKH đã được Đảng thường xuyên hoàn thiện, bắt nhịp kịp thời với những chuyển biến nhận thức, xu thế phát triển của vấn đề BĐKH trên thế giới, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng, gắn ứng phó với BĐKH và bảo vệ tài nguyên, môi trường, với phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng phát triển bền vững.

Đề định hướng cho thời kỳ mới, Đảng xác định “Chủ động thích ứng với BĐKH, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh” là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng.

Việt Nam đang hết sức nỗ lực để vừa ứng phó với BĐKH, vừa phát triển kinh tế để vươn lên, bảo đảm cuộc sống ngày càng tốt hơn cho mọi người dân, đồng thời đóng góp có trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế.

Các quan điểm ứng phó BĐKH:

(1) Ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ

thống chính trị; là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội [1].

(2) Ứng phó với BĐKH, phải trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng. Vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm lợi ích lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản. Vừa bảo đảm toàn diện, vừa phải có trọng tâm, trọng điểm; có bước đi phù hợp trong từng giai đoạn; dựa vào nội lực là chính, đồng thời phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ và kinh nghiệm quốc tế.

(3) BĐKH là vấn đề toàn cầu, là thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại trong thế kỷ 21. Ứng phó với BĐKH phải được đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Phải tiến hành đồng thời thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với BĐKH, chủ động phòng, tránh thiên tai là trọng tâm [1].

Triển khai Nghị quyết Đại hội XIII, các chiến lược và kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ một số định hướng giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, nhất là cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp về bản chất của BĐKH; về quan điểm thích ứng làm trọng tâm và coi chủ động thích ứng với BĐKH là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các ngành, lĩnh vực và địa phương. Nâng cao nhận thức của người dân về các tác động tiềm tàng của BĐKH, thông qua các kênh báo chí, truyền thông, các chương trình giáo dục, hay các sáng kiến thay đổi hành vi, qua đó giúp định hướng đến việc sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả hơn các hàng hóa và dịch vụ thâm dụng carbon cao.

Thứ hai, tăng cường các chương trình nghiên cứu liên quan đến BĐKH. Trong đó bao gồm đo lường và dự báo sự phát thải khí thải CO₂ và khí nhà kính; phân tích tác động của phát thải đến các yếu tố khí hậu; phát triển các mô hình kinh tế để đưa ra những đánh giá toàn diện hơn về tác động của BĐKH (ngắn hạn và dài hạn); tăng cường các hoạt động nghiên cứu phát triển liên quan đến năng lượng tái tạo và đổi mới công nghệ theo hướng thâm dụng carbon thấp.

Thứ ba, đẩy nhanh việc thực thi định giá carbon, phát thải khí CO₂ và các khí nhà kính khác. Trong đó, bao gồm việc đánh giá chi phí - lợi ích của các hình thức định giá để đưa ra lựa chọn phù hợp về cả hình thức, mức giá và quy trình áp dụng. Việc định giá cần phải dựa trên nguyên tắc công bằng, sáng tạo, hiệu quả và được thực hiện một cách cẩn trọng, thân thiện với tăng trưởng. Kinh nghiệm từ các quốc gia khác cho thấy, việc định giá nên được phân kỳ với việc tăng giá dần mỗi kỳ, để các doanh nghiệp và hộ gia đình có thời gian điều chỉnh, đi kèm với các chương trình hỗ trợ có tính mục tiêu.

Thứ tư, xây dựng các chính sách thúc đẩy tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Chuyển dịch nền kinh tế theo hướng thâm dụng carbon thấp. Thúc đẩy việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn về hiệu quả năng lượng, ví dụ như trong công trình xây dựng hoặc trong việc sản xuất sản phẩm.

Thứ năm, tăng cường huy động các nguồn lực cần thiết đầu tư vào giảm thiểu nguồn gây ra BĐKH và tăng cường khả năng thích ứng, chống chịu với BĐKH như giảm lãi suất đối với khoản vay cho các dự án phát triển bền vững, qua đó tạo động lực để các doanh nghiệp áp dụng công nghệ ít phát thải, hướng tới nền kinh tế carbon thấp.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế về BĐKH. BĐKH là hiện tượng ngoại ứng toàn cầu, do vậy việc ứng phó đòi hỏi sự hợp tác hiệu quả ở quy mô toàn cầu. Việc hợp tác quốc tế sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp cận tiến bộ khoa học và huy động nguồn vốn đầu tư để hỗ trợ các dự án tăng cường năng lực ứng phó với BĐKH, bao gồm phát triển công nghệ carbon thấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tháng 3/2021.
2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*. Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, tháng 3/2021.
3. Nguyễn Hồng Sơn và cs (2021), *Thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*. Tạp chí Cộng sản, số tháng 6/2021.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (cập nhật năm 2021)*.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (Nghị quyết số 24/NQ-TW)*.
6. IPCC (2021), *Báo cáo đánh giá lần thứ VI của IPCC về biến đổi khí hậu (Climate change 2021)*. WMO&UNEP, 2021.
7. Toàn văn bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị COP26. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/toan-van-bai-phat-bieu-cua-thu-tuong-chinh-phu-pham-minh-chinh-tai-hoi-nghi-cop26-676116>

Thông tin tác giả:

Nguyễn Song Tùng - Viện Địa lí nhân văn
Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Email: songtung1711@gmail.com
Điện thoại: 0912176039

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 16/11/2021
Biên tập: 11/2021